



Số: 46 /2026/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 22/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2859/TTr-SKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến ngày 01 tháng 10 năm 2025 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và khoản 1 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, khoản 1 Điều 11 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 thì tiếp tục thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 73 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP; khoản 2 Điều 11 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và khoản 1 Điều 44 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 mà chưa được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì việc xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 73 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và khoản 3 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 và thay thế các Quyết định:

1. Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

2. Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn Bình Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

3. Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định quản lý nhà nước việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

4. Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

5. Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

6. Quyết định số 64/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Phúc



QUY ĐỊNH

**Quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số AB /2026/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định việc quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

b) Nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay và nhiệm vụ hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

a) Các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

b) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân chủ trì hoặc phối hợp thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Lâm Đồng;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Điều kiện đối với tổ chức, doanh nghiệp đề nghị xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ áp dụng các điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo áp dụng các điều kiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công

nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Tiêu chí đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 6, 7, 8 và 9 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại khoản 1 và điểm a, b và c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh, dự toán kinh phí và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và sản phẩm đã được phê duyệt; thực hiện quản trị rủi ro trong quá trình triển khai nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Chủ động phê duyệt dự toán chi tiết kể từ thời điểm hợp đồng giao nhiệm vụ có hiệu lực và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định; tổ chức hạch toán, quản lý, bảo quản và lưu trữ đầy đủ hồ sơ, chứng từ thu, chi của nhiệm vụ; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, chứng từ để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán khi có yêu cầu;

d) Thực hiện giao nộp đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định; tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng kết quả trong trường hợp được giao quyền, hưởng quyền lợi và chịu trách nhiệm về việc phân chia lợi ích phát sinh từ kết quả nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

đ) Ngoài các nội dung quy định tại khoản này, tổ chức chủ trì phải thực hiện đầy đủ các trách nhiệm khác theo quy định tại khoản 9 Điều 16 và khoản 3 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai nhiệm vụ bảo đảm đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, kinh phí và kết quả đã được phê duyệt tại hợp đồng thực hiện nhiệm vụ;

b) Chịu trách nhiệm pháp lý về tính trung thực, chính xác của hồ sơ, tài liệu và kết quả thực hiện nhiệm vụ;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý nhà nước về việc quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản; bảo đảm tính hiệu quả của kết quả đầu ra và thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo của nhiệm vụ.

Điều 5. Tổ chức, quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi

mới sáng tạo thuộc danh mục bí mật nhà nước, có nội dung bí mật nhà nước

Việc tổ chức, quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc có chứa nội dung bí mật nhà nước phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương II

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Mục 1

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Trình tự, nội dung thực hiện thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Căn cứ quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thông báo kế hoạch tài trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

2. Thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Trình tự thực hiện

a1) Định kỳ hoặc đột xuất, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo và hướng dẫn các cơ quan quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

a2) Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, rà soát, lựa chọn đặt hàng và xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh đối với từng nhiệm vụ thông qua Tổ chuyên gia tư vấn chuyên ngành. Việc tổ chức họp Tổ chuyên gia phải được lập thành biên bản;

a3) Trên cơ sở ý kiến của Tổ chuyên gia, Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, tổng hợp và thông báo công khai kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 30 ngày để tuyển chọn.

b) Nội dung thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Thực hiện theo quy định tại các điểm b, d và đ khoản 3 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, đồng thời thông tin về thành phần, yêu cầu đối với hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

3. Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tỉnh đặt hàng được thực hiện theo phương thức giao trực tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân được chỉ định để chuẩn bị hồ sơ.

4. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, nội dung thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

5. Đối với cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới

sáng tạo, thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

6. Đối với nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ, thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng phải bổ sung thông tin về công nghệ, sản phẩm công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

7. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kế hoạch đặt hàng lần 2 trong các trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn thông báo kế hoạch đặt hàng nhưng không có hồ sơ đăng ký tham gia;

b) Tất cả hồ sơ đăng ký đều không hợp lệ qua quá trình rà soát theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này;

c) Không có hồ sơ nào đáp ứng đủ yêu cầu xét đặt hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy định này;

d) Kết quả xét đặt hàng, tuyển chọn bị hủy theo quy định tại khoản 8 Điều 8 Quy định này.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN và thủ tục hành chính tương ứng đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Điều 8. Trình tự xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí, phê duyệt và hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí, phê duyệt và hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1. Tổ chức đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Quy định này đến Sở Khoa học và Công nghệ thông qua một trong các hình thức sau: cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, làm căn cứ để tổ chức xét tài trợ, đặt hàng.

3. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng (sau đây gọi tắt là Hội đồng) và/hoặc ý kiến của các chuyên gia phản biện theo quy định tại khoản

3, 4, 5 và 6 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN. Kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá theo thang điểm 100 và được thể hiện trong biên bản họp Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng.

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ, đặt hàng khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Được ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng tham dự họp (trong đó bắt buộc phải có các chuyên gia phản biện) đánh giá hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đạt từ 70 điểm trở lên (tính theo thang điểm 100) và không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm 0 (không điểm);

b) Nhiệm vụ có số điểm trung bình đạt từ 70 điểm trở lên trên tổng số điểm của các thành viên trong Hội đồng tham dự họp;

c) Được ít nhất 3/4 thành viên Hội đồng tham dự họp (trong đó có ít nhất 01 chuyên gia phản biện) đánh giá tổng mức kinh phí phù hợp với các sản phẩm của nhiệm vụ;

5. Trong trường hợp có từ 02 (hai) hồ sơ trở lên đề nghị xét đặt hàng cho một nhiệm vụ khoa học và công nghệ và được Hội đồng đánh giá “Đạt” theo quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này, hồ sơ được chọn để thẩm định kinh phí là hồ sơ đáp ứng theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Có điểm trung bình của các thành viên Hội đồng cao nhất;

b) Trường hợp có điểm trung bình của các thành viên Hội đồng bằng nhau, thì chọn hồ sơ có kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước thấp nhất;

c) Trường hợp có điểm trung bình của các thành viên Hội đồng bằng nhau; kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước cao nhất;

6. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Hồ sơ thẩm định kinh phí bao gồm các tài liệu quy định tại Điều 7 Quy định này sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa trong quá trình xét tài trợ, đặt hàng và dự toán kinh phí theo Biểu mẫu BM-15 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN;

c) Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định kinh phí tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước dựa trên kết quả thẩm định kinh phí của Tổ thẩm định kinh phí.

7. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP trên cơ sở kết quả xét tài trợ, đặt hàng, kết quả thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Hồ sơ phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm:

Các tài liệu theo quy định tại Điều 7 Quy định này sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa trong quá trình xét tài trợ đặt hàng và thẩm định kinh phí và các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN;

c) Quyết định phê duyệt theo điểm b khoản 4 Điều 5 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN;

8. Hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Trong quá trình xét tài trợ, đặt hàng, trường hợp phát hiện hồ sơ, thông tin không đáp ứng điều kiện, tiêu chí; có sai sót, vi phạm quy định về trình tự, thủ tục hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Sở Khoa học và Công nghệ hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Ký hợp đồng, đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí và điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ký hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Hợp đồng giao nhiệm vụ được lập theo Biểu mẫu BM-18 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

2. Đánh giá trong kỳ và cấp tiếp kinh phí thực hiện nhiệm vụ

a) Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành đánh giá trong kỳ và cấp tiếp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN;

b) Ngoài nội dung đánh giá theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, nội dung đánh giá trong kỳ còn bao gồm các nội dung đánh giá rủi ro đã được nêu trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP. Trong trường hợp phát sinh các rủi ro, nội dung đánh giá trong kỳ bao gồm việc xác định trách nhiệm quản trị rủi ro của tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 37, Điều 38 và Điều 39 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN và thủ tục hành chính tương ứng đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.

b) Mỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được gia hạn 01 lần không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng

và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện đến 24 tháng.

Điều 10. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc đánh giá cuối kỳ nhiệm vụ và đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua tổ chuyên gia do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập hoặc thuê chuyên gia tư vấn độc lập hoặc tổ chức tư vấn và thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

2. Trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ chuyên gia riêng để thẩm định, đánh giá các sản phẩm này, xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của tổ chuyên gia đánh giá cuối kỳ. Tổ chuyên gia có ít nhất 03 thành viên, là các thành viên thuộc tổ chuyên gia đánh giá cuối kỳ, trong đó có 01 tổ trưởng. Báo cáo thẩm định sản phẩm của Tổ chuyên gia được gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ trước phiên họp tổ chuyên gia đánh giá cuối kỳ ít nhất 01 ngày làm việc để phục vụ cho phiên họp đánh giá cuối kỳ.

3. Ngoài nội dung đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này, nội dung đánh giá cuối kỳ còn bao gồm nội dung đánh giá rủi ro theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Quy định này.

4. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá cuối kỳ ở mức “Không đạt yêu cầu”, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện tiếp các nội dung sau đây:

a) Yêu cầu tổ chức chủ trì bổ sung, giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc quản trị rủi ro trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết), trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có kết quả đánh giá cuối kỳ;

b) Xác định mức kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước (nếu có) trên cơ sở kết quả đánh giá cuối kỳ và kết quả đánh giá rủi ro theo quy định. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn để xem xét, xác định mức kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN và thủ tục hành chính tương ứng đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.

Điều 12. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ (gọi tắt là Hội đồng) do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập để thực hiện hoạt động tư vấn chuyên môn liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ hoặc nhiều nhiệm vụ, bao gồm:

a) Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Các Hội đồng tư vấn khác nhằm phục vụ cho hoạt động tư vấn chuyên

môn liên quan đến nhiệm vụ do Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

2. Hội đồng có từ 05 đến 09 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, 02 ủy viên là chuyên gia phản biện, 01 ủy viên đồng thời là thư ký khoa học và các ủy viên khác. Thành phần của Hội đồng bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh, đại diện tổ chức đặt hàng (nếu có), đại diện đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ (nếu có).

3. Thành viên Hội đồng phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trình độ, chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của nhiệm vụ, vấn đề cần tư vấn;

b) Không có xung đột lợi ích trong quá trình đánh giá hồ sơ;

c) Không tham gia thực hiện và không thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang xét duyệt;

d) Không là vợ hoặc chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm vụ, thư ký khoa học hoặc thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ;

đ) Không thuộc trường hợp sau: đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích theo quy định của pháp luật.

4. Nhiệm vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

5. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, minh bạch, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn. Ý kiến của các thành viên hội đồng và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản. Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về ý kiến của mình;

b) Phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, các ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học;

c) Hội đồng bầu một ủy viên làm thư ký khoa học ngay tại phiên họp để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp của Hội đồng;

d) Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học tổng hợp để Hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi Hội đồng tham dự họp thống nhất. Thành viên Hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng.

6. Trình tự làm việc của Hội đồng

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu đại biểu tham dự và thông báo tóm tắt chương trình làm việc của Hội đồng;

b) Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc và chương trình làm việc của Hội đồng;

c) Hội đồng cử thư ký khoa học để ghi chép đầy đủ ý kiến thảo luận và lập biên bản cuộc họp;

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì trình bày tóm tắt trước Hội đồng các nội dung của nhiệm vụ cần Hội đồng tư vấn;

đ) Đại diện cơ quan, đơn vị liên quan phát biểu ý kiến về nhiệm vụ (trường hợp cần thiết);

e) Các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá; thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt;

g) Hội đồng thảo luận kín (trường hợp cần thiết);

h) Các thành viên Hội đồng đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí và thang điểm quy định tại mẫu phiếu đánh giá;

i) Thư ký hành chính tổng hợp kết quả phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng;

k) Thư ký khoa học lập biên bản họp Hội đồng theo quy định;

l) Hội đồng xem xét, thông qua biên bản làm việc.

Điều 13. Tổ chuyên gia tư vấn nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chuyên gia tư vấn nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Tổ chuyên gia) do Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập để rà soát, lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

1. Tổ chuyên gia có từ 03 đến 07 thành viên, bao gồm tổ trưởng, tổ phó và các tổ viên là các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với nội dung nhiệm vụ hoặc vấn đề cần tư vấn. Trường hợp đặc biệt, do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nội dung cần tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định số lượng và thành phần Tổ chuyên gia khác với quy định tại khoản này, bảo đảm phù hợp với yêu cầu chuyên môn và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các thành viên Tổ chuyên gia có nhiệm vụ và trách nhiệm phân tích, thảo luận và đánh giá theo biểu mẫu quy định về các nội dung chính sau:

a) Tính cấp thiết, tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh;

b) Không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện trên nền tảng quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;

c) Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống hoặc vào việc xây dựng, hoạch định chính sách;

d) Khả năng huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ;

đ) Tên, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả, mức trần kinh phí.

3. Phương thức làm việc của Tổ chuyên gia

Tổ chuyên gia làm việc trên nguyên tắc dân chủ, độc lập, khách quan, trung thực, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, bảo đảm liên chính khoa học, bảo mật thông tin liên quan đến đề xuất đặt hàng nhiệm vụ. Tổ chuyên gia thống nhất lập báo cáo rà soát, kiến nghị lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến từ ngân sách nhà nước đối với từng đề xuất nhiệm vụ. Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa các thành viên, mỗi thành viên được bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm đối với ý kiến của mình.

4. Trình tự làm việc của Tổ chuyên gia

a) Công bố quyết định thành lập Tổ chuyên gia;

b) Tổ trưởng chủ trì phiên họp;

c) Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo quá trình tiếp nhận, tổng hợp, rà soát, lựa chọn đặt hàng; lấy ý kiến các sở, ban, ngành, địa phương liên quan xem xét đặt hàng đối với các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kết quả tra cứu thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có liên quan đến các đề xuất đặt hàng;

d) Thành viên Tổ chuyên gia cho ý kiến nhận xét đối với những nội dung của các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều này;

đ) Tổ chuyên gia hoàn thiện biên bản theo các biểu mẫu quy định.

Điều 14. Đoàn đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đoàn đánh giá có từ 05 đến 09 thành viên, gồm Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn (nếu cần), thư ký đoàn và các thành viên khác là đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, chuyên gia khoa học, đại diện các cơ quan có liên quan và các thành phần khác để tiến hành đánh giá trong kỳ và đánh giá tác động kết quả của nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

2. Tiêu chí đối với thành viên tham gia Đoàn đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy định này.

3. Cá nhân tham gia thực hiện đánh giá có trách nhiệm đánh giá trung thực, khách quan và công bằng, minh bạch dựa trên chất lượng hồ sơ, mức độ hoàn thành so với mục tiêu, kết quả đầu ra và tác động thực tiễn của nhiệm vụ so với hợp đồng giao nhiệm vụ; việc thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình triển khai; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của đoàn đánh giá; cá nhân tham gia thực hiện đánh giá không được sử dụng, công bố, lưu giữ hoặc khai thác trái phép thông tin, kết quả của nhiệm vụ; giữ bí mật về các thông tin liên quan trong quá trình đánh giá.

4. Việc đánh giá nhiệm vụ được thực hiện theo phương thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp hai phương thức.

5. Nguyên tắc làm việc của Đoàn đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản

5 Điều 12 Quy định này.

6. Trình tự làm việc của Đoàn đánh giá

a) Thư ký đoàn tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần Đoàn đánh giá; đại diện đơn vị chủ trì giới thiệu thành phần tham dự của đơn vị;

b) Trưởng đoàn đánh giá chủ trì và phân công nhiệm vụ cho thành viên đoàn;

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì trình bày tóm tắt tình hình triển khai, kết quả thực hiện nhiệm vụ;

d) Các thành viên Đoàn đánh giá thảo luận, trao đổi ý kiến đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ về nội dung đánh giá theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

đ) Các thành viên Đoàn đánh giá trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá; thư ký đoàn đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có);

e) Đoàn đánh giá thảo luận kín (nếu cần);

g) Thư ký đoàn tổng hợp ý kiến và lập Biên bản làm việc;

h) Đoàn đánh giá thông qua biên bản làm việc;

i) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chuyên môn của Đoàn đánh giá thì Trưởng đoàn đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ mời chuyên gia tư vấn độc lập hỗ trợ Đoàn đánh giá trước khi kết luận.

Điều 15. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ thẩm định gồm 05 thành viên, trong đó Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ; các thành viên là lãnh đạo phòng quản lý chuyên môn, đại diện lãnh đạo phòng quản lý tài chính của Sở Khoa học và Công nghệ; đại diện Sở Tài chính; Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng. Tổ có thư ký hành chính giúp việc.

2. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của vấn đề cần tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định số lượng thành viên và thành phần Tổ thẩm định khác so với quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định

a) Phiên họp của Tổ thẩm định phải có ít nhất 3/4 số thành viên Tổ thẩm định tham dự, trong đó phải có thành viên có chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính;

b) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì các phiên họp của Tổ thẩm định. Các thành viên Tổ thẩm định nêu ý kiến thẩm định theo nội dung và tiêu chí quy định;

c) Các ý kiến của thành viên được thư ký tổng hợp, đưa vào Biên bản thẩm định. Trường hợp có thành viên không thống nhất với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến, Tổ thẩm định báo cáo cho Sở Khoa học và Công nghệ đồng thời đề xuất phương án xử lý.

4. Trình tự làm việc của Tổ thẩm định

a) Công bố quyết định thành lập Tổ thẩm định;

b) Tổ trưởng chủ trì phiên họp của Tổ thẩm định;

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức chủ trì báo cáo về nội dung đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết quả xét duyệt, xét chọn nhiệm vụ; trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định (nếu có);

d) Thành viên Tổ thẩm định cho ý kiến nhận xét đối với những nội dung của nhiệm vụ theo kết quả xét duyệt, xét chọn nhiệm vụ và nêu ý kiến thẩm định; thảo luận về dự kiến kết luận của Tổ thẩm định. Đại diện tổ chức chủ trì có quyền nêu ý kiến giải trình, làm rõ trước khi Tổ thẩm định kết luận chính thức;

đ) Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định theo các biểu mẫu quy định.

Điều 16. Tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập

1. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể thuê tổ chức tư vấn độc lập hoặc chuyên gia tư vấn độc lập để lấy ý kiến trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Tổ chức tư vấn độc lập theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Mục 2

NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 17. Thông báo đề xuất đặt hàng, tài trợ nhiệm vụ

1. Đối với thông báo đề xuất đặt hàng nhiệm vụ

a) Việc xác định định hướng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ được thực hiện theo khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Xác định danh mục nhiệm vụ đặt hàng

b1) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước ở địa phương căn cứ nội dung thông báo đề xuất đặt hàng nhiệm vụ, gửi đề xuất về Sở Khoa học và Công nghệ theo Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ;

b2) Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất, thành lập Hội đồng xác định danh mục nhiệm vụ đặt hàng;

b3) Thành phần, phương thức và trình tự làm việc của Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b4) Tài liệu phục vụ phiên họp của Hội đồng được gửi cho thành viên tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi họp, gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng theo Mẫu số I.7 ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;
- Mẫu phiếu nhận xét đề xuất đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo;
- Bảng tổng hợp danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ và các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ;
- Tài liệu khác (nếu có).

c) Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng theo Mẫu số I.16 ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

d) Sở Khoa học và Công nghệ thông báo danh mục nhiệm vụ đặt hàng trên Cổng thông tin điện tử của Sở để tổ chức, cá nhân có đủ năng lực đăng ký thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ tài trợ được thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 18. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ

1. Hồ sơ, phương thức nộp hồ sơ, việc tiếp nhận, kiểm tra, xử lý và thông báo kết quả hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và thủ tục hành chính tương ứng đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

2. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trong phạm vi được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp; không yêu cầu thêm thành phần hồ sơ, cách thức thực hiện hoặc điều kiện ngoài thủ tục hành chính đã được công bố.

Điều 19. Xét duyệt nhiệm vụ

1. Việc xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và thủ tục hành chính tương ứng đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

2. Căn cứ tính chất, nội dung nhiệm vụ và phạm vi được phân cấp, Sở Khoa học và Công nghệ lựa chọn hình thức xét duyệt phù hợp theo quy định của pháp luật; trường hợp thành lập Hội đồng xét duyệt hoặc thuê tổ chức tư vấn xét duyệt thì thực hiện theo mẫu biểu, trình tự và yêu cầu tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 20. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ

1. Việc thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và thủ tục hành chính tương ứng đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ trong phạm vi được phân cấp; việc yêu cầu hoàn thiện hồ sơ, dự toán kinh phí phải phù hợp với kết quả xét duyệt và không làm phát sinh giấy tờ, tài liệu ngoài quy định.

Điều 21. Phê duyệt nhiệm vụ

1. Việc phê duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và thủ tục hành chính tương ứng đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Ký kết hợp đồng và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì để triển khai thực hiện nhiệm vụ. Hợp đồng được ký kết dưới hình thức bản giấy hoặc hợp đồng điện tử theo quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Giao dịch điện tử theo Mẫu số I.14 ban hành kèm Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Nội dung hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ giữa Sở Khoa học và Công nghệ với tổ chức chủ trì được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

3. Cấp kinh phí

a) Việc cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện khi tổ chức chủ trì đã cung cấp đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ theo quy định tại hợp đồng;

b) Căn cứ hợp đồng tài trợ, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện cấp kinh phí theo quy định hiện hành về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước.

Điều 23. Kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ

1. Việc kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc tự tổ chức hoặc thuê tổ chức tư vấn kiểm tra, đánh giá.

Điều 24. Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

1. Việc sửa đổi, chấm dứt hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, hợp đồng đã ký kết và thủ tục hành chính tương ứng đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

2. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc sửa đổi, chấm dứt hợp đồng trong phạm vi được phân cấp; việc xử lý kinh phí, tài sản, kết quả thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 25. Quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

1. Quyết toán kinh phí thực hiện theo từng nội dung của hợp đồng, không phải quyết toán tổng thể hợp đồng.

2. Biên bản quyết toán từng nội dung hợp đồng được ký kết tại thời điểm Sở Khoa học và Công nghệ cấp kinh phí cho tổ chức chủ trì.

3. Việc thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ được thực hiện sau khi hoàn tất quyết toán nội dung tài trợ lần cuối hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Quy định này.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 26. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xây dựng trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia và của tỉnh, xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế, phù hợp với năng lực, điều kiện nguồn lực hiện có, khả năng huy động các nguồn lực xã hội để phê duyệt triển khai các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và theo yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

3. Hồ sơ đề xuất chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh quy định tại điểm b khoản 6 Điều 3 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chương trình.

4. Việc thẩm định được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập. Thành phần, thành viên, nguyên tắc và trình tự làm việc của Hội đồng theo quy định tại khoản 2, 3, 5 và 6 Điều 12 Quy định này.

5. Kết quả thẩm định được thể hiện trong biên bản, phiếu đánh giá nhận xét và báo cáo thẩm định do Sở Khoa học và Công nghệ quy định, bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Tính cấp thiết và cơ sở pháp lý;
- b) Mục tiêu, phạm vi và nội dung;
- c) Dự kiến kết quả, sản phẩm kèm theo chỉ tiêu đánh giá;
- d) Tác động dự kiến đến kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng – an ninh;
- đ) Khả năng thương mại hóa;
- e) Phương thức tổ chức thực hiện;
- g) Cơ chế phối hợp;
- h) Kinh phí và nguồn lực thực hiện;

i) Cơ chế quản lý, giám sát, đánh giá.

6. Sau khi chương trình được ban hành, cơ quan được giao chủ trì chương trình có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các công việc sau:

a) Tổ chức thực hiện chương trình;

b) Thực hiện việc xét tài trợ, đặt hàng, phê duyệt, quản lý và tổ chức triển khai, đánh giá các nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Chương II Quy định này và các hoạt động khoa học và công nghệ khác thuộc chương trình;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình, kết quả triển khai chương trình trước ngày 15 tháng 12 hằng năm theo Biểu mẫu BM-04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

7. Việc đánh giá chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.

Chương IV

QUẢN LÝ KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 27. Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo

Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức việc đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 28. Quản lý, cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Việc đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin kết quả nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2025/TT-BKHCN ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghệ được giao nhiệm vụ quản lý cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 29. Xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Việc xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 31 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 30. Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 31. Thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được giao quyền quản lý, sử dụng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị

Việc thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được giao quyền quản lý, sử dụng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 32. Phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

Việc phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 34 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 33. Rủi ro dẫn đến thiệt hại cho nhà nước được chấp nhận trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

Rủi ro dẫn đến thiệt hại cho nhà nước được chấp nhận trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Điều 35 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 34. Rủi ro dẫn đến kết quả không đạt mục tiêu đề ra được chấp nhận trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Rủi ro dẫn đến kết quả không đạt mục tiêu đề ra được chấp nhận trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 36 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Quyết định phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và trong phạm vi được phân cấp, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp quyết định phân cấp được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quyết định phân cấp đang có hiệu lực;

b) Ban hành các biểu mẫu phục vụ quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công tác quản lý và phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm gửi về Sở Khoa học và Công nghệ các quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở do đơn vị ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung để theo dõi, tổng hợp và phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định.

4. Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước; cơ quan chủ quản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan; và đơn vị tiếp nhận kết quả hoặc đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả (nếu có) có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát:

a) Việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản được trang bị để thực hiện nhiệm vụ;

b) Việc quản lý, sử dụng, ứng dụng, phát triển, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

c) Việc khai thác, sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định mới có nội dung khác với Quy định này thì thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc văn bản mới ban hành. Đối với các nội dung chưa được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, phát sinh những nội dung cần sửa đổi bổ sung, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.